TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲ CHÂU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **27**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 4 - 2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ CHÂU – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Văn Đông
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phan Văn Hưng.
2/ Ông Vi Văn Duẩn.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Vi Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 18/2023/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lò Thị Huyền T**, sinh năm: 1996.
Trú tại: Bản CP, xã CT, huyện QC, tỉnh Nghệ An. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Mạc Văn H**, sinh năm: 1991.
Trú tại: Bản CP, xã CT, huyện QC, tỉnh Nghệ An. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2023 và qua lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lò Thị Huyền T trình bày:

Chị Lò Thị Huyền T và anh Mạc Văn H đăng ký kết hôn vào ngày 12/11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã CT, huyện QC, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, sau đó bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân trong thời gian vợ chồng đi làm công nhân xa nhà anh H thường ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng thường xảy cãi vã, xô xát, va chạm nhau trong cuộc sống hàng ngày, cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng không có hạnh phúc, chị T và anh H sống ly thân với nhau từ năm 2020, đến nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị Lò Thị Huyền T đề nghị giải quyết ly hôn đối với anh Mạc Văn H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau, chị T và anh H có 01 người con chung là Mạc Thị Thủy T, sinh ngày 19/4/2015, hiện chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giải quyết ly hôn chị T đề nghị giao con chung cho chị tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng và yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lò Thị Huyền T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Mạc Văn H, sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, đã tiến hành tống đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn, cũng như giấy triệu tập, các văn bản tố tụng khác cho anh H theo quy định, do công việc đi làm xa anh H không thường xuyên có mặt ở nhà, qua xác minh và lời khai của người thân cho biết việc vắng mặt của anh H không diễn ra thường xuyên, anh H có địa chỉ cư trú cùng gia đình tại bản CP, xã CT, huyện QC, tỉnh Nghệ An, nên Tòa án đã tiến hành tống đạt giấy tờ cho người thân theo quy định, mẹ đẻ của anh H là bà Hà Thị L nhận hộ các giấy tờ và cam kết thông báo, giao tận tay cho anh H đúng thời hạn luật định. Sau khi biết chị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, bản thân anh H vì lý do khách quan không sắp xếp được công việc để có mặt tại Tòa án tham gia giải quyết vụ án theo quy định, nên anh H viết bản tự khai và đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt gửi người thân giao nộp cho Tòa án trình bày ý kiến của mình đối với những yêu cầu khởi kiện của chị T, cụ thể như sau:

Giữa anh Mạc Văn H và chị Lò Thị Huyền T đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã CT, huyện QC, tỉnh Nghệ An vào ngày 12/11/2015 trên cơ sở tự nguyện. Trong thời gian chung sống với nhau, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, vợ chồng thường xảy ra cãi vã, va chạm dẫn đến cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, hai vợ chồng sống ly thân đã hơn 05 năm. Sau khi nhận được thông báo về việc chị T yêu cầu giải quyết ly hôn, anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, đoàn tụ với nhau nên anh H đồng ý giải quyết ly hôn với chị Lò Thị Huyền T.

Giữa anh H và chị T có với nhau 01 người con chung là Mạc Thị Thủy T, sinh ngày 19/4/2015, từ lúc vợ chồng ly thân con chung ở cùng chị T. Giải quyết ly hôn anh H có ý kiến đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Đối với phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, hai bên không có tranh chấp gì nên anh Mạc Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tiến hành ghi nhận ý kiến, nguyện vọng của cháu Mạc Thị Thủy T là con chung của chị Lò Thị Huyền T và anh Mạc Văn H, con chung có nguyện vọng sau khi bố mẹ ly hôn mong muốn được tiếp tục ở cùng với mẹ.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Châu tại phiên tòa:

Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc tiến hành thủ tục tố tụng tại phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có mặt tham gia giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập, tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có mặt để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn có đơn xin được giải quyết vắng mặt, do đó cần xem xét áp dụng quy định bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51; 56; 81; 82; 83; 110; 117 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; 35; 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để xét xử.

Về quan hệ hôn nhân cần chấp nhận đơn khởi kiện, cho chị Lò Thị Huyền T được ly hôn với anh Mạc Văn H.

Giao con chung Mạc Thị Thủy T, sinh ngày 19/4/2015 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng, buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng với mức 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành là phù hợp, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung và nợ chung, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lò Thị Huyền T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Mạc Văn H, đề nghị giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung của vợ chồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 luật Hôn nhân

và gia đình và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Bị đơn anh Mạc Văn H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại bản CP, xã CT, huyện QC, tỉnh Nghệ An, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; Bị đơn được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có mặt để thực hiện quyền và nghĩa vụ, cũng như tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án theo quy định, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trước khi vụ án được đưa ra xét xử nguyên đơn và bị đơn cùng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng tại phiên tòa theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị Huyền T và anh Mạc Văn H đăng ký kết hôn với nhau theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã CT, huyện QC, tỉnh Nghệ An vào ngày 12/11/2015. Quan hệ hôn nhân giữa hai bên hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo về điều kiện kết hôn và đăng ký đúng thủ tục quy định của pháp luật, nên được xác định là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng không có hạnh phúc, hai bên sống ly thân đã lâu, đến nay không thể hàn gắn để đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án và xác minh tại địa phương về mâu thuẫn vợ chồng cho thấy, giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị T giữ nguyên ý kiến kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn, bị đơn anh H có ý kiến trình bày hai bên có quá nhiều mâu thuẫn, không thể tiếp tục chung sống nên đồng ý giải quyết ly hôn để giải thoát cho nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng đều có ý kiến đề nghị giải quyết ly hôn, không quay trở lại đoàn tụ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị Huyền T cho ly hôn với anh Mạc Văn H.

[4] Về con chung: Qua xem xét tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, xác minh về hoàn cảnh, môi trường sống và khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con, cũng như nguyện vọng của các con chung và ý kiến của của các bên đương sự, thấy rằng, việc xem xét giao nuôi con chung chưa thành niên sau khi vợ chồng ly hôn cần đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt cho sự phát triển, trưởng thành của con chung sau này. Xét thấy, bản thân chị T và anh H đều có sức khỏe, đang độ tuổi lao động và có thu nhập để đảm bảo nuôi con, tuy nhiên từ khi vợ chồng ly thân anh H thường đi làm xa không có thời gian thể đảm bảo tốt nhất việc chăm sóc cho con chung, bản thân chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con kể từ lúc ly thân,

để không làm xáo trộn về nơi ở, sinh hoạt và học tập của con chung, đảm bảo sự gần gũi và phù hợp với tâm sinh lý phát triển của con sau này, cũng theo như nguyện vọng của con và ý kiến trình bày của các đương sự cần xem xét giao con chung cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, tuy nhiên anh H có ý kiến trình bày với công việc, thu nhập của mình hiện tại chỉ có thể đảm bảo được mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Các đương sự có ý kiến khác nhau về mức cấp dưỡng nuôi con, quá trình giải quyết vụ án các bên chỉ cung cấp lời khai về công việc, thu nhập trung bình của bản thân hàng tháng vào thời điểm giải quyết vụ việc, không cung cấp được chứng cứ, tài liệu cụ thể chứng minh về mức thu nhập của mình, khả năng thực tế của người phải cấp dưỡng, cũng như nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Xét thấy, để đảm bảo chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng và học hành của con chung, phù hợp với mức sinh hoạt, điều kiện sinh sống tại địa phương, cũng như mức thu nhập và công việc của bên có nghĩa vụ cấp dưỡng như hiện nay, cần xem xét buộc anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) là phù hợp. Sau này nếu mức cấp dưỡng không còn phù hợp thực tế các bên có thể thỏa thuận lại mức cấp dưỡng, nếu không thỏa thuận được có quyền khởi kiện tại Tòa án yêu cầu thay đổi về mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lò Thị Huyền T và anh Mạc Văn H không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 81; 82; 83; 110;117 và 118 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chị Lò Thị Huyền T được ly hôn anh Mạc Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Mạc Thị Thủy T, sinh ngày 19/4/2015 cho chị Lò Thị Huyền T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Anh Mạc Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lò Thị Huyền T mỗi tháng là 1.000.000^{đ} (Một triệu đồng).

Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện kể từ tháng 5 năm 2023 trở đi, cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại các Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thị hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Lò Thị Huyền T chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0006486 ngày 06/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An.

Anh Mạc Văn H chịu án án phí Dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳ Châu;
- Chi cục THADS huyện Quỳ Châu;
- UBND xã CT, huyện QC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hà Văn Đông